

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LÚC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2022

“V/v Ly hôn giữa chị V và  
**anh T**”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Thới

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Châu

2. Bà Võ Thị Luynh Thuy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Thu V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp 7, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An..

*Bị đơn:* Anh Võ Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 7, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

(Chị V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 19/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Thu V trình bày:*

Năm 2018, chị và anh Võ Văn T xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo quyền số 14/2018 ngày 23/02/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Lương,

huyện Bến Lức, tỉnh Long An nhưng không đảm bảo hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến cãi vã. Mặt khác, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình nên đã sống ly thân 06 tháng nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Nay, chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T và yêu cầu được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh T, chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Võ Văn T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc gia nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: 01 trích lục giấy chứng nhận kết hôn; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp “*Ly hôn*”. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2]. Chị Võ Thị Thu V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Anh Võ Văn T đã được Tòa án tổng đạt giấy báo phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo qui định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp:

[3]. Chị Võ Thị Thu V, anh Võ Văn T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo qui định. Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của chị V, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian chung sống ngắn nhưng không đảm bảo hạnh phúc. Trong quá trình nộp đơn khởi kiện, chị V cho rằng giữa hai anh chị đã xảy ra mâu thuẫn là vợ chồng không hòa hợp với nhau về mọi mặt nên đã ly thân 06 tháng nay không còn quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã cho hai anh chị thời gian đoàn tụ nhưng anh T

không có bất kỳ ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của chị V mà vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc đoàn tụ giữa các đương sự không có kết quả nên Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Võ Thị Thu V được ly hôn anh Võ Văn T.

[5]. Về nuôi con chung: Chị V xác định giữa chị và anh T chung sống không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Về tài sản chung; Nợ chung: Chị V xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7]. Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Võ Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Võ Thị Thu V đối với anh Võ Văn T.

1. Quan hệ vợ chồng: Chị Võ Thị Thu V được ly hôn với anh Võ Văn T.

2. Quan hệ con chung: Chị Võ Thị Thu V với anh Võ Văn T chung sống không có con chung.

3. Về án phí: Chị Võ Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011807 ngày 02/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí. Chị Võ Thị Thu V đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND xã Lương Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thị Thới**